

Số: 260/BC-MNXHB

Xuân Hồng, ngày 10 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI
Cuối năm học 2025 - 2026

(Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Xuân Hồng B

2. Địa chỉ trụ sở:

- Trụ Sở Chính (Khu A)

+ Địa chỉ: Thôn 2, xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình

- Điểm trường:

+ Khu B: Địa chỉ: Xóm 5, xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình

+ Khu C: Địa chỉ: Xóm 6, xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình

- Điện Thoại: 0986.337.910

- Email: tmnxuanhongb.xaxuanhong@ninhbinh.gov.vn
(<https://mail.ninhbinh.gov.vn>)

- Website: <http://c0xuanhongb.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Sứ mạng:

Tạo dựng được môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện giúp giáo viên chủ động, sáng tạo, trách nhiệm với công việc, yêu thương, công bằng với trẻ; giáo dục theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.

Quy tụ đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm, vững chuyên môn, có trách nhiệm và tận tâm và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Hình thành cho trẻ tính tự lập, tự tin, có ngôn ngữ mạch lạc, hành vi văn minh, có kỹ năng học tập sẵn sàng vào lớp 1. Hình thành ở trẻ giá trị Yêu thương - Tôn trọng - Trung thực - Hợp tác - Chia sẻ; thích nghi mọi hoàn cảnh trong cuộc sống.

4.2. Tầm nhìn:

Là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em; là nơi giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

Tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, trẻ biết sáng tạo, có năng lực tư duy.

4.3. Mục tiêu:

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập. Nhà trường có đầy đủ phòng học và các phòng chức năng.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong những năm tiếp theo. Tiến tới đạt chuẩn phổ cập cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi vào năm 2028. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Ứng dụng CNTT trong dạy - học và công tác quản lý.

- Đổi mới sáng tạo công tác quản lý; nâng cao vị thế, uy tín của nhà trường; xây dựng và phát triển nhà trường theo hướng an toàn, thân thiện, dân chủ và hiện đại.

5. Quá trình hình thành và phát triển:

- Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của địa phương, trong năm học 2025–2026, Trường Mầm non Xuân Hồng B được hình thành trên cơ sở sáp nhập các trường mầm non trên địa bàn qua 2 giai đoạn:

- + Giai đoạn 1: Theo Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Xuân Hồng, sáp nhập Trường Mầm non Xuân Thượng và Trường Mầm non Xuân Châu thành Trường Mầm non Xuân Hồng B.

- + Giai đoạn 2: Theo Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 25/01/2026 của UBND xã Xuân Hồng, sáp nhập Trường Mầm non Xuân Thành vào Trường Mầm non Xuân Hồng B. Nhà trường chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/02/2026.

- Việc sáp nhập nhằm tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non tại địa phương; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trong môi trường an toàn, thân thiện.

- Ngay sau khi thành lập, nhà trường đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự phối hợp của cha mẹ trẻ. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên từng bước ổn định tổ chức, xây dựng nền nếp và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định.

Chi bộ Trường Mầm non Xuân Hồng B được thành lập theo Quyết định số 134-QĐ/ĐU ngày 26/01/2026 của Đảng ủy xã Xuân Hồng, hiện có 46 đảng viên, giữ vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường.

Các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh được kiện toàn, hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Trải qua quá trình kiện toàn và phát triển, nhà trường từng bước ổn định, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và khẳng định uy tín tại địa phương.

6. Thông tin đại diện pháp luật:

Họ và tên: Vũ Thị Duyên

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Xuân Hồng B, xã Xuân Hồng, tỉnh Ninh Bình.

Điện Thoại: 0986337910

Email: vuthiduyen15061981@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định Số 118/QĐ-UBND ngày 25/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Hồng Quyết định về việc sáp nhập trường mầm non;

Đường link: [Xem tại đây](#)

- Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND xã Xuân Hồng Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý giữ chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non Xuân Hồng B (Hiệu trưởng);

Đường link: [Xem tại đây](#)

- Quyết định của UBND xã Xuân Hồng Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý giữ chức vụ Phó hiệu trưởng trường mầm non Xuân Hồng B;

Đường link: [Xem tại đây](#)

- Quyết định số 39/QĐ-MNXHB ngày 22/11/2025 của trường Mầm non Xuân Hồng B Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Mầm non Xuân Hồng B.

Đường link: [Xem tại đây](#)

Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường:

- Quyết định ban hành Quy chế làm việc năm học 2025 - 2026 số 89/QĐ-MNXHB ngày 07/03/2026;

- Quyết định ban hành Quy tắc ứng xử năm học 2025 - 2026 số 87/QĐ-MNXHB ngày 07/03/2026.

- Quyết định ban hành Quy chế dân chủ năm học 2025 - 2026 số 90/QĐ-MNXHB ngày 07/3/2026;

- Quyết định ban hành Quy chế thi đua năm học 2025 - 2026 số 91/QĐ-MNXHB ngày 07/3/2026.

Đường link: [Xem tại đây](#)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Đạt chuẩn nghề nghiệp		Hoàn thành BDTX hàng năm	
			ThS	ĐH	CĐ	TC	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	66		43	14	1	4	3	54	100	54	100
I	Giáo viên	48		37	11				48	100	48	100
1	Nhà trẻ	16		12	4				16	100	16	100
2	Mẫu giáo	32		25	7				32	100	32	100
II	Cán bộ quản lý	6		6					6	100	6	100
1	Hiệu trưởng	1		1					1	100	1	100
2	Phó hiệu trưởng	5		5					5	100	5	100
III	Nhân viên	11			3	1	4	3				
1	Nhân viên văn thư											
2	Nhân viên kế toán	2			2							
3	Thủ quỹ											
4	Nhân viên y tế											
5	Nhân viên nấu ăn	7			2	1	4					
6	Bảo vệ	3						3				

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng			Bình quân Số m ² /trẻ			Yêu cầu tối thiểu
		Khu A	Khu B	Khu C	Khu A	Khu B	Khu C	
1	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2457 m ²	4792 m ²	3.997 m ²	24,5 m ²	33m ²	21,7m ²	12m ² /trẻ
	Số điểm trường	01	01	01				
2	Số lượng, hạng mục các khối phòng							

2.1	Số lượng các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ							
	Phòng học (Khu A: 42m ² /phòng; Khu B: 55m ² /phòng; Khu C: 48m ² /phòng)	06	09	10	2,4	3,4	2,6	1,50 m ² /trẻ
	Phòng vệ sinh (Khu A: 7,5m ² /phòng; Khu B: 12m ² /phòng; Khu C: 12m ² /phòng)	06	09	10	0,45	0,74	0,7	0,40 m ² /trẻ
	Phòng ngủ (20m ² /phòng)	2	0	0	1,0	0	0	1,20 m ² /trẻ
	Phòng kho	06	09	10				6m ² /phòng
2.2	Khối phòng phục vụ học tập	04	03	01				
	Phòng nghệ thuật (Khu A: 43m ² /phòng; Khu B: 55m ² /phòng Khu C: 48m ² /phòng)	01	01	01				2,0 m ² /trẻ
	Phòng thư viện (Khu A: 48m ² /phòng; Khu B: 60m ² /phòng)	01	01	0				48m ² /phòng
	Phòng vi tính (40m ² /phòng)	01	0	0				40m ² /phòng
	Phòng thể chất	01	01	0				2,0 m ² /trẻ
2.3	Khối phòng tổ chức nuôi ăn	03	03	03				
	Nhà bếp (Khu A: 70m ² /phòng; Khu B: 75m ² /phòng; Khu C: 60m ² /phòng)	01	01	01	0,85	0,51	0,32	0,3 m ² /trẻ
	Kho bếp	01	01	01				10m ² /kho
	Phòng khác (kho ga)	01	01	01				
2.4	Khối phòng hành chính quản trị							
	Phòng Hiệu trưởng	01	0	0				
	Phòng P.hiệu trưởng	01	02	02				
	Văn phòng (Khu A: 70m ² /phòng; Khu B: 60m ² /phòng; Khu C: 48 m ² /phòng)	01	01	01	4,6	3,5	2,7	1,2m ² /ng ười

	Phòng hành chính quản trị	01						
	Phòng y tế (Khu A: 15m ² /phòng; Khu B: 20m ² /phòng; Khu C: 20 m ² /phòng)	01	01	01				10m ² /phòng
	Phòng truyền thống							
	Phòng nhân viên	0	01	01				
	Phòng bảo vệ	01	01	01				
	Phòng khác	01	01	0				
2.5	Công trình phụ trợ							
	Nhà xe	01	01	01				
	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	01	01	01				
	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	01	01	01				
	Hệ thống kết nối internet	01	01	01				
	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	01						
	Tường rào	01	01	01				
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	06	09	10				
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	18	20	18				
5	Một số thiết bị khác							
	- Tivi	10	9	11				
	- Máy tính	18	11	10				
	- Máy in	08	11	14				
	- Máy phô tô	01	0	0				
	- Loa di động	02	01	01				

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Do mới sáp nhập 2 trường từ ngày 01/11/2025 nên đến thời điểm này nhà trường đang tiến hành rà soát lại các điều kiện, tiêu chuẩn để tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường mầm non Xuân Hồng B.

- Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non tự đánh giá kiểm định chất lượng Cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

- Trường mầm non Xuân Thượng (cũ):

+ Nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 (QĐ số:118/QĐ-SGDĐT ngày 25/02/2021 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định);

Đường link: [Xem tại đây](#)

+ Nhà trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 QĐ số: 377/QĐ-UBND ngày 22/02/2021 của UBND tỉnh Nam Định).

Đường link: [Xem tại đây](#)

- Trường mầm non Xuân Châu, Xuân Thành (cũ):

+ Nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 (Quyết định số: 1027/QĐ-SGDĐT ngày 10/08/2023);

Đường link: [Xem tại đây](#)

+ Nhà trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (Quyết định số: 1568/QĐ-UBND ngày 15/08/2023).

Đường link: [Xem tại đây](#)

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học.

a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh.

Đường link: [Xem tại đây](#)

b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Đường link: [Xem tại đây](#) [Xem tại đây](#)

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội

Đường link : [Xem tại đây](#)

d. Thực đơn ăn hàng ngày của trẻ

[Xem tại đây](#)

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	430		26	105	69	94	136
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	430		26	105	69	94	136
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	430		26	105	69	94	136

III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	430		26	105	69	94	136
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	430		26	105	69	94	136
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	430		26	105	69	94	136
1	Số trẻ cân nặng bình thường	418		26	105	66	93	128
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2				1		1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	428		26	105	69	92	136
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2					2	
5	Số trẻ thừa cân béo phì	10				2	1	7
VI	Số trẻ em khuyết tật	0		0	0	0	0	0
VII	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt chuẩn						

II. THU, CHI TÀI CHÍNH.

1. Tình hình tài chính của năm.

Số TT	Nội dung	Năm 2025
1	2	3
1	Các khoản thu phân theo	6.938.733.000
	Ngân sách nhà nước cấp	6.849.728.000
	Học phí và các khoản thu khác từ người học	79.605.000
	Nguồn tài trợ	9.400.000
2	Các khoản chi phân theo	6.935.975.900
	a. Chi lương và thu nhập	6.346.843.000
	b. Cơ sở vật chất và dịch vụ	500.965.000
	c. Chi hỗ trợ người học	1.920.000
	d. Chi từ nguồn học phí	
	Chi 40% CCTL	31.842.000
	Chi 60% chuyên môn	47.763.000
	e. Chi khác	6.642.900

2. Các khoản thu, chi đối với người học năm học 2025-2026:

Thông báo các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025 - 2026.

Stt	Nội dung thu chi	Thu	Chi	Tồn
1	Tiền dịch vụ nước cho học sinh			
	Tồn năm học trước	0		
	Thu tiền nước uống	43.708.000		
	Trả tiền nước uống		43.708.000	
	Cộng	43.708.000	43.708.000	0
2	Tiền chất đốt			
	Tồn năm học trước	0		
	Thu tiền chất đốt, phụ phí	149.342.000		
	Trả tiền chất đốt, phụ phí		149.342.000	
	Cộng	149.342.000	149.342.000	0
3	Tiền ăn			
	Tồn năm học trước	0		
	Thu tiền vé ăn	1.448.867.296		
	Trả tiền thực phẩm, sữa		1.448.867.296	
	Cộng	1.448.867.296	1.448.867.296	0
4	Tiền dịch vụ quản lý học sinh bán trú			
	Tồn năm học trước	0		
	Thu tiền quản lý chăm sóc trẻ buổi trưa	369.865.000		
	Trả tiền quản lý chăm sóc trẻ buổi trưa		369.865.000	
	Cộng	369.865.000	369.865.000	0
5	Tiền dịch vụ nấu ăn			
	Tồn năm học trước	0		
	Thu tiền hợp đồng nhân viên nấu ăn	336.688.000		
	Trả tiền hợp đồng nhân viên nấu ăn		336.688.000	
	Cộng	336.688.000	336.688.000	0
6	Tiền dịch vụ làm mát bằng điều hoà			
	Tồn năm học trước	0		
	Thu tiền điện ĐH	22.125.000		
	Trả tiền điện ĐH		22.125.000	
	Cộng	22.125.000	22.125.000	0

7	Tiền dịch vụ vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh			
	Tồn năm học trước	0		
	Thu tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	75.424.000		
	Trả tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh		75.424.000	
	Cộng	75.424.000	75.424.000	0
8	Tiền đồ dùng phục vụ bán trú trẻ lần đầu nhập trường			
	Thu tiền năm học 2025-2026	20.550.000		
	Trả tiền mua đồ dùng bán trú		20.550.000	
		20.550.000	20.550.000	0
	Tổng cộng	2.466.569.296	2.466.569.296	0

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Danh sách trẻ được hỗ trợ tiền ăn trưa và tiền chi phí học tập năm học 2025-2026.

+ Tháng 9/2025

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tháng	Số tiền ăn trưa được hỗ trợ/tháng	Số tiền chi phí học tập được hỗ trợ/tháng	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa (đồng)	Kinh phí hỗ trợ tiền chi phí học tập (đồng)	TỔNG KINH PHÍ	Ghi chú
1	Hồ Bảo Đăng	22/03/2020	5TA2	1	160.000		160.000	0	160.000	Hộ cận nghèo
2	Nguyễn Xuân Nghiêm	08/02/2022	3TC2	1	160.000		160.000	0	160.000	Hộ cận nghèo
3	Nguyễn Thị Minh Phúc	08/02/2022	3TC2	1	160.000		160.000	0	160.000	Hộ cận nghèo
4	Nguyễn Bảo An	11/06/2020	5TA6	1	160.000		160.000	0	160.000	Hộ cận nghèo
5	Vũ Tú Linh	18/01/2021	4TB6	1	160.000		160.000	0	160.000	Hộ cận nghèo
Tổng cộng							800.000	0	800.000	

+ Từ Tháng 10 đến tháng 5 năm học 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tháng	Số tiền ăn trưa được hỗ trợ/tháng	Số tiền chi phí học tập được hỗ trợ/tháng	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa (đồng)	Kinh phí hỗ trợ tiền chi phí học tập (đồng)	TỔNG KINH PHÍ	Ghi chú
1	Hồ Bảo Đăng	22/03/2020	5TA2	8	360.000	150.000	2.880.000	1.200.000	4.080.000	Hộ cận nghèo
2	Nguyễn Xuân Nghiêm	08/02/2022	3TC2	8	360.000	150.000	2.880.000	1.200.000	4.080.000	Hộ cận nghèo
3	Nguyễn Thị Minh Phúc	08/02/2022	3TC2	8	360.000	150.000	2.880.000	1.200.000	4.080.000	Hộ cận nghèo
4	Nguyễn Bảo An	11/06/2020	5TA6	8	360.000	150.000	2.880.000	1.200.000	4.080.000	Hộ cận nghèo
5	Vũ Tú Linh	18/01/2021	4TB6	8	360.000	150.000	2.880.000	1.200.000	4.080.000	Hộ cận nghèo
Tổng cộng							14.400.000	6.000.000	20.400.000	

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không có

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: Không có

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích trong nhà trường.

- Đường link: Xem tại đây

2. Tiếp tục thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch năm học 2025-2026 trong đó có nội dung thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Đường link: Xem tại đây

3. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch UDCNTT, chuyển đổi số năm học 2025 - 2026.

Đường link: Xem tại đây

4. Thực hiện công tác truyền thông về giáo dục mầm non

Nhà trường đã thành lập Ban truyền thông của nhà trường do đồng chí Phó Hiệu trưởng làm trưởng ban, phân công các thành viên thực hiện lưu các hình ảnh, viết bài đưa tin về các hoạt động của nhà trường.

Đường link: [Xem tại đây](#)

Nơi nhận:

- CB, GV, NV trường MN Xuân Hồng B;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Duyên